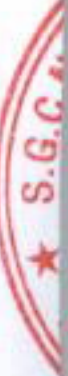




**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0104000069
0104000069

ngày 24 tháng 4 năm 2002
ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép Kinh doanh

Chứng khoán số

09/GPHDKD
192/UBCK-GPĐC

ngày 24 tháng 4 năm 2002
ngày 27 tháng 2 năm 2009

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán lần đầu và điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Quang Dũng
Bà Hoàng Diễm Thùy
Ông Vũ Quang Đông

Ông Ngô Quang Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 9 tháng 11 năm 2012)
Thành viên
(đến ngày 9 tháng 11 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Quang Đông
Ông Ngô Quang Trung
Ông Trần Việt Anh
Ông Mai Trung Dũng
Ông Lê Việt Hà

Quyền Giám đốc
(từ ngày 9 tháng 11 năm 2012)
Giám đốc
(đến ngày 9 tháng 11 năm 2012)
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 1, Tòa nhà Green Star
70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Đà Nẵng Tầng 2, Tòa nhà Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
10 Hải Phòng, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ Tầng trệt, Tòa nhà Bưu điện
2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu Tầng trệt, Tòa nhà Vietcombank
27 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam

Chi nhánh Bình Dương Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Bình Dương
314 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
(đóng cửa vào ngày 9 tháng 1 năm 2012)

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

1300
ÔNG
NHIỆP
KPI
EM

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2013

345
TY
HỮU H
IG
TP. H



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến trang 46. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-579



Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2013

Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		584.552.716.325	3.008.907.155.214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	436.138.319.870	2.653.284.780.296
Tiền	111		436.138.319.870	2.338.284.780.296
Các khoản tương đương tiền	112		-	315.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	33.206.472.991	307.676.532.166
Đầu tư ngắn hạn	121		33.569.290.741	315.417.391.995
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(362.817.750)	(7.740.859.829)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		111.564.510.696	41.297.229.705
Phải thu khách hàng	131		298.930.016	1.699.147.758
Trả trước cho người bán	132		301.258.348	608.655.935
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	64.453.701.266	11.533.812.817
Các khoản phải thu khác	138	8	46.510.621.066	27.455.613.195
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.643.412.768	6.648.613.047
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.272.341.362	3.034.987.582
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	10	1.371.071.406	3.368.741.394
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	244.884.071
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		707.657.451.054	182.857.309.531
II. Tài sản cố định	220		5.276.749.868	4.125.793.374
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.276.749.868	4.110.305.744
<i>Nguyên giá</i>	222		35.784.901.880	31.748.087.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.508.152.012)	(27.637.782.166)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	15.487.630
<i>Nguyên giá</i>	228		2.173.140.062	2.173.140.062
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.173.140.062)	(2.157.652.432)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	676.832.557.324	157.410.053.121
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		727.713.503.724	183.252.386.283
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		727.644.280.436	183.178.162.995
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		69.223.288	74.223.288
Đầu tư dài hạn khác	258		-	13.440.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(50.880.946.400)	(39.282.333.162)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.548.143.862	21.321.463.036
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.766.093.168	1.105.674.427
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	14	19.444.625.555	16.854.313.730
Tài sản dài hạn khác	268	15	3.337.425.139	3.361.474.879
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.292.210.167.379	3.191.764.464.745
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		422.060.671.160	2.356.260.755.822
I. Nợ ngắn hạn	310		422.060.671.160	2.355.976.145.966
Phải trả người bán	312		201.575.266	117.559.963
Người mua trả tiền trước	313		35.000.000	315.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.676.950.254	1.080.334.049
Phải trả người lao động	315		8.368.970.706	12.459.054.775
Chi phí phải trả	316		62.757.502	56.856.436
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	1.056.390.909	905.070.045
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	321	18	18.191.356.133	12.998.501.533
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.503.771.458	5.981.175.358
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	19	389.963.898.932	2.322.062.593.807
II. Nợ dài hạn	330		-	284.609.856
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		-	284.609.856
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		870.149.496.219	835.503.708.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	870.149.496.219	835.503.708.923
Vốn điều lệ	411	21	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác	413		914.795.416	914.795.416
Quỹ đầu tư và phát triển	417		30.762.096.449	30.762.096.449
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	26.543.242.854	24.637.237.012
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419	22	6.474.350.657	4.568.344.815
Lợi nhuận chưa phân phối	420		105.455.010.843	74.621.235.231
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.292.210.167.379	3.191.764.464.745

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	9.463.036.120.000	8.966.112.670.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	8.920.906.830.000	8.649.202.180.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	20.646.190.000	6.622.290.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	7.911.480.930.000	6.881.220.350.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	988.779.710.000	1.761.359.540.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	163.750.450.000	225.849.600.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	327.410.000	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	162.817.360.000	218.649.600.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	605.680.000	7.200.000.000
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	191.709.550.000	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	184.509.550.000	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	7.200.000.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	106.323.750.000	37.263.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	106.253.650.000	37.253.000.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	70.100.000	10.000.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	1.000.000	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	1.000.000	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	962.540.000	53.797.890.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	100.000	200.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	962.440.000	53.478.570.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	319.120.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	79.382.000.000	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	79.382.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	44.594.510.000	-
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	44.594.510.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	44.594.510.000	-

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyền
Kế toán trưởng




Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu	01		180.277.499.399	148.817.573.453
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		49.799.420.784	29.980.914.129
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		75.460.111.365	24.592.184.607
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		6.652.386.364	456.001.551
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		4.882.954.546	3.547.282.269
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		159.324.386	236.220.000
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		1.476.260	-
Doanh thu khác	01.9	23	43.321.825.694	90.004.970.897
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		220.703.057	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		180.056.796.342	148.817.573.453
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24	61.925.548.858	67.203.996.002
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		118.131.247.484	81.613.577.451
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	69.437.611.759	69.275.342.458
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		48.693.635.725	12.338.234.993
Thu nhập khác	31		811.852.428	447.807.545
Chi phí khác	32		-	11.680.319
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		811.852.428	436.127.226
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.505.488.153	12.774.362.219
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	11.479.300.857	1.926.172.954
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		38.026.187.296	10.848.189.265

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	49.505.488.153	12.774.362.219
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.894.147.762	4.897.397.007
Các khoản dự phòng	03	9.822.366.321	10.710.489.135
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(179.219.785)	(3.236.731.175)
Thu nhập tiền lãi	05	(82.345.603.703)	(89.517.178.189)
Chi phí lãi	06	-	1.548.611.110
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(20.302.821.252)	(62.823.049.893)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	3.830.679.198	13.628.452.172
Biến động các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	09	(52.768.567.585)	7.228.052.245
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.937.731.805.526)	1.105.019.807.301
Biến động các khoản chi phí trả trước và ký quỹ	12	(3.464.034.606)	(2.433.014.910)
		(2.010.436.549.771)	1.060.620.246.915
Tiền lãi đã trả	13	-	(2.520.833.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.241.770.877)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.020.678.320.648)	1.058.099.413.582
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(4.054.660.370)	(453.750.510)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	63.454.545
Tiền chi mua các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	23	(922.218.209.839)	(582.898.375.645)
Tiền thu từ bán các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	24	676.561.080.114	386.436.642.919
Tiền chi cho các khoản cho vay ngắn hạn	25	(22.000.000.000)	-
Tiền thu hồi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	26	10.240.000.000	-
Tiền lãi nhận được	27	61.321.436.042	94.102.715.890
Tiền cổ tức nhận được	27	3.682.214.275	5.069.926.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(196.468.139.778)	(97.679.386.006)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2012 VND	2011 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(2.217.146.460.426)	960.420.027.576
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.653.284.780.296	1.692.864.752.720
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	436.138.319.870	2.653.284.780.296

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam và là công ty con được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”), một ngân hàng được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 193 nhân viên (31/12/2011: 199 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(b) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua hoặc bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được phản ánh riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(d) Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn và các chứng khoán nợ chưa niêm yết được nắm giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán).

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ với khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định khi Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty với ít hơn 20% quyền biểu quyết và dự định nắm giữ trong thời gian hơn một năm mặc dù thời gian nắm giữ thực tế có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh sau ngày góp vốn của đơn vị nhận đầu tư, và các điều kiện khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung ("thị trường OTC") được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày theo nguyên giá. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh từ việc mua chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo nguyên giá. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh từ việc mua chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Khoản dự phòng giảm giá được xác định bằng cách tham khảo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân và nguyên giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(e) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty ủy thác cho bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các thỏa thuận này được hạch toán theo các chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh số 3(c), (d), (f) và Thuyết minh số 3(o) - (ii) và (v).

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận chuyển 6 năm
- đồ đạc và trang thiết bị văn phòng 3 năm

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm đồng phục, công cụ và dụng cụ và chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn điều lệ và vốn khác

Vốn điều lệ và vốn khác được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(n) Quỹ dự trữ pháp định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn điều lệ.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Các quỹ này được Ban Giám đốc đề xuất, Hội đồng Thành viên xem xét và chủ sở hữu của Công ty phê duyệt. Quỹ đầu tư và phát triển được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu and quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận như một phần của nợ phải trả.

(o) Doanh thu

(i) *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) *Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán*

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng để kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(p) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính này.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng	436.138.319.870	2.338.284.780.296
Các khoản tương đương tiền	-	315.000.000.000
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	404.382.791.357	324.052.909.869
	<hr/> 436.138.319.870	<hr/> 2.653.284.780.296

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các khoản tiền có gốc ngoại tệ khác VND tương đương là 221 triệu VND (31/12/2011: 324 triệu VND).

5. Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2012	2011	2012 VND	2011 VND
a) Cửa Công ty	12.024.252	7.275.200	1.134.789.880.372	397.639.554.000
Cổ phiếu	6.117.217	4.175.200	91.375.713.106	81.987.354.000
Trái phiếu	5.907.035	3.100.000	1.043.414.167.266	315.652.200.000
b) Cửa nhà đầu tư/ khách hàng	1.772.540.123	874.538.855	59.098.005.686.348	36.013.280.127.000
Cổ phiếu	1.366.656.335	614.328.000	15.912.452.263.900	9.043.975.067.000
Trái phiếu	405.883.788	260.210.855	43.185.553.422.448	26.969.305.060.000
	<hr/> 1.784.564.375	<hr/> 881.814.055	<hr/> 60.232.795.566.720	<hr/> 36.410.919.681.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

6. Các khoản đầu tư

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn:		
Chứng khoán thương mại	11.569.290.741	315.417.391.995
▪ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	11.222.923.765	11.337.142.005
▪ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	346.366.976	106.080.000.000
▪ <i>Trái phiếu</i>	-	198.000.249.990
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000.000	-
	<hr/> 33.569.290.741	<hr/> 315.417.391.995
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(362.817.750)	(7.740.859.829)
	<hr/> 33.206.472.991	<hr/> 307.676.532.166
	<hr/> 31/12/2012 VND	<hr/> 31/12/2011 VND
Các khoản đầu tư dài hạn:		
Chứng khoán đầu tư dài hạn	727.713.503.724	183.252.386.283
Chứng khoán sẵn sàng để bán	727.644.280.436	183.178.162.995
▪ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	229.439.384.400	125.100.384.400
▪ <i>Trái phiếu</i>	498.204.896.036	58.077.778.595
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	69.223.288	74.223.288
▪ <i>Trái phiếu</i>	69.223.288	74.223.288
Đầu tư dài hạn khác	-	13.440.000.000
	<hr/> 727.713.503.724	<hr/> 196.692.386.283
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(50.880.946.400)	(39.282.333.162)
	<hr/> 676.832.557.324	<hr/> 157.410.053.121

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Chi tiết của các khoản đầu tư bị giảm giá do Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Mô tả	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá trị trường (Giảm)		Giá trị theo giá thị trường	
	Số dư cuối năm Cổ phiếu	Số dư đầu năm Cổ phiếu	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
I. Chứng khoán thương mại	43.508	550.746	518.655.050	11.138.403.000	-	-	(362.817.750)	(7.740.859.829)	155.837.300	3.397.543.171
BHV	147	302	5.196.074	14.278.600	-	-	(4.314.074)	(11.711.600)	882.000	2.567.000
IMT	32.550	32.550	341.775.000	341.775.000	-	-	(276.675.000)	(253.890.000)	65.100.000	87.885.000
HLY	99	99	3.923.700	3.923.700	-	-	(3.062.400)	(2.359.500)	861.300	1.564.200
PVG	70	70	2.420.673	2.420.673	-	-	(1.853.673)	(1.748.673)	567.000	672.000
SD7	90	1.090	3.520.800	42.640.802	-	-	(3.025.800)	(33.593.802)	495.000	9.047.000
VCI	70	70	4.074.400	4.074.400	-	-	(2.891.400)	(3.255.400)	1.183.000	819.000
Khác	10.482	516.565	157.744.403	10.729.289.825	-	-	(70.995.403)	(7.434.300.854)	86.749.000	3.294.988.971

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Mô tả	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá trị trường (Giảm)		Giá trị theo giá trị trường	
	Số dư cuối năm Cổ phiếu	Số dư đầu năm Cổ phiếu	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
II. Chứng khoán đầu tư	7.134.549	7.280.208	100.164.204.000	115.110.204.000	-	-	(50.880.946.400)	(39.282.333.162)	49.283.257.600	75.827.870.838
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	7.134.549	6.960.208	100.164.204.000	101.670.204.000	-	-	(50.880.946.400)	(34.531.658.000)	49.283.257.600	67.138.546.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.134.549	6.960.208	100.164.204.000	101.670.204.000	-	-	(50.880.946.400)	(34.531.658.000)	49.283.257.600	67.138.546.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại	89.401	89.401	894.010.000	894.010.000	-	-	(715.208.000)	-	178.802.000	894.010.000
Hàng không	500.000	500.000	11.320.000.000	11.320.000.000	-	-	(11.320.000.000)	-	-	11.320.000.000
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Việt Nam	2.586.568	2.330.242	44.374.394.000	44.374.394.000	-	-	(25.751.104.400)	(25.732.458.000)	18.623.289.600	18.641.936.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	3.958.080	3.958.080	43.570.800.000	43.570.800.000	-	-	(13.093.584.000)	(7.948.080.000)	30.477.216.000	35.622.720.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	82.485	-	1.511.000.000	-	-	-	(851.120.000)	-	659.880.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam	500	-	5.000.000	-	-	-	(1.050.000)	-	3.950.000	-
Thịnh Vượng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
UNI	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III. Đầu tư dài hạn khác	-	320.000	-	13.440.000.000	-	-	-	(4.750.675.162)	-	8.689.324.838
Công ty Cổ phần Truyền thông và Ứng dụng Công nghệ Thông tin FBNC	-	320.000	-	13.440.000.000	-	-	-	(4.750.675.162)	-	8.689.324.838

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	7.740.859.829	3.648.632.694
Tăng dự phòng trong năm	22.994.100	4.092.227.135
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.401.036.179)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	362.817.750	7.740.859.829

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	34.531.658.000	27.913.396.000
Tăng dự phòng trong năm	17.200.408.400	6.618.262.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(851.120.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	50.880.946.400	34.531.658.000

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.750.675.162	4.750.675.162
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.750.675.162)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	4.750.675.162

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	32.844.504.133	11.533.812.817
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	31.609.197.133	-
	64.453.701.266	11.533.812.817

- (i) Trong năm, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán được hưởng lãi suất ngày là 0,043% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 3 ngày.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Trong năm, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày là 0,045%. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 60% và 40%.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	1.929.444.444
Lãi phải thu từ trái phiếu	40.425.303.778	19.709.885.743
Lãi phải thu từ các khoản cho vay ngắn hạn	1.719.013.698	-
Các khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	-	913.068.285
Phải thu khác	4.366.303.590	4.903.214.723
	46.510.621.066	27.455.613.195

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Mẫu B 09 - CTCK

(i) Chi tiết của các khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	922.744.845
<i>Trừ</i>		
Phí phải trả	-	(9.676.560)
	<hr/>	<hr/>
	-	913.068.285
	<hr/>	<hr/>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	2.220.954.686	2.159.813.906
Chi phí trả trước khác	51.386.676	875.173.676
	<hr/>	<hr/>
	2.272.341.362	3.034.987.582
	<hr/>	<hr/>

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.371.071.406	3.368.741.394
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.540.058.475	27.208.029.435	31.748.087.910
Tăng trong năm	-	4.054.660.370	4.054.660.370
Xóa sổ	-	(17.846.400)	(17.846.400)
Số dư cuối năm	4.540.058.475	31.244.843.405	35.784.901.880
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.910.393.249	23.727.388.917	27.637.782.166
Khấu hao trong năm	378.373.933	2.500.286.199	2.878.660.132
Xóa sổ	-	(8.290.286)	(8.290.286)
Số dư cuối năm	4.288.767.182	26.219.384.830	30.508.152.012
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	629.665.226	3.480.640.518	4.110.305.744
Số dư cuối năm	251.291.293	5.025.458.575	5.276.749.868

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 16.413 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 13.557 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	2.173.140.062
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.157.652.432
Khấu hao trong năm	15.487.630
Số dư cuối năm	2.173.140.062
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	15.487.630
Số dư cuối năm	-

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.173 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: Không).

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.105.674.427	1.668.151.816
Tăng trong năm	3.096.937.287	269.805.336
Phân bổ trong năm	(1.436.518.546)	(832.282.725)
Số dư cuối năm	2.766.093.168	1.105.674.427

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19.444.625.555	16.854.313.730

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	16.854.313.730	13.835.354.178
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.049.111.559	1.568.071.111
Tiền lãi trong năm	1.541.200.266	1.450.888.441
Số dư cuối năm	19.444.625.555	16.854.313.730

15. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	3.337.425.139	3.361.474.879

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.032.685.257	751.427.362
Thuế giá trị gia tăng	362.613.946	236.867.735
Các loại thuế khác	281.651.051	92.038.952
	1.676.950.254	1.080.334.049

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	-	228.614.184
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	467.667.255	449.822.992
Phí phải trả cho giao dịch chứng khoán	575.253.146	221.915.807
Phải trả khác	13.470.508	4.717.062
	<hr/>	<hr/>
	1.056.390.909	905.070.045
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu chủ yếu liên quan đến khoản cổ tức phải trả hộ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) đối với các cổ đông của Vietcombank vì Công ty chịu trách nhiệm quản lý danh mục cổ đông của Vietcombank.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	388.990.788.727	311.392.777.078
Tạm ứng từ các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán (i)	-	2.000.000.000.000
Các khoản phải trả kinh phí công đoàn và bảo hiểm	274.111.380	416.743.528
Khác	698.998.825	10.253.073.201
	<hr/>	<hr/>
	389.963.898.932	2.322.062.593.807
	<hr/>	<hr/>

- (i) Tạm ứng từ các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán phản ánh các hợp đồng mà theo đó Công ty cần phải mua các chứng khoán được qui định trong hợp đồng cho các tổ chức tín dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000.000	914.795.416	30.762.096.449	24.094.827.549	4.025.935.352	65.910.455.359	825.708.110.125
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.848.189.265	10.848.189.265
Chuyển sang các quỹ	-	-	-	542.409.463	542.409.463	(1.084.818.926)	-
Khoản thanh toán khác	-	-	-	-	-	(1.052.590.467)	(1.052.590.467)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	700.000.000.000	914.795.416	30.762.096.449	24.637.237.012	4.568.344.815	74.621.235.231	835.503.708.923
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	38.026.187.296	38.026.187.296
Chuyển sang các quỹ	-	-	-	1.906.005.842	1.906.005.842	(3.812.011.684)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.380.400.000)	(3.380.400.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	700.000.000.000	914.795.416	30.762.096.449	26.543.242.854	6.474.350.657	105.455.010.843	870.149.496.219

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

21. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt và đã góp	
	VND	%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

22. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành. Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

23. Doanh thu khác

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng	20.669.960.380	87.179.039.035
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay ngắn hạn	3.783.616.437	-
Khoản phí từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.500.473.155	2.338.139.154
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	2.257.377.057	-
Thu nhập từ việc xử lý các khoản phải trả khác	10.889.463.101	-
Thu nhập khác	220.935.564	487.792.708
	43.321.825.694	90.004.970.897

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

24. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Phí môi giới chứng khoán (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	9.020.450.863 (7.378.042.079)	5.956.809.800 4.092.227.135
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	17.200.408.400	6.618.262.000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.403.926.030	3.356.751.453
Chi phí lưu ký chứng khoán	5.232.796.343	4.593.083.710
Chi phí đại lý bảo lãnh và phát hành	445.771.375	75.000.000
Chi phí nhân viên trực tiếp	17.439.935.943	20.950.495.597
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	938.713.458	951.642.425
Chi phí liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư	182.212.365	18.062.156.524
Chi phí lãi cho các khoản tạm ứng của các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán	-	1.548.611.110
Khác	1.439.376.160	998.956.248
	61.925.548.858	67.203.996.002

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	28.664.351.612	24.902.768.371
Chi phí thuê văn phòng	16.816.522.586	18.550.608.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.046.393.248	12.503.046.351
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	1.955.434.304	3.945.754.582
Thuế và lệ phí	168.641.405	182.735.058
Chi phí khác	9.786.268.604	9.190.429.796
	69.437.611.759	69.275.342.458

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện hành	11.479.300.857	1.926.172.954
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập	<u>11.479.300.857</u>	<u>1.926.172.954</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	49.505.488.153	12.774.362.219
Thuế theo thuế suất của Công ty	12.376.372.038	2.554.872.444
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	385.234.571
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.482.388	51.298
Thu nhập không bị tính thuế	(920.553.569)	(1.013.985.359)
Thuế thu nhập	<u>11.479.300.857</u>	<u>1.926.172.954</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập tính trên lợi nhuận tính thuế với thuế suất 10% từ năm 2005 đến năm 2006; 20% từ năm 2007 đến năm 2011 và 25% cho các năm tiếp theo. Tất cả các khoản miễn và giảm thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác mà các khoản thu nhập này chịu thuế suất là 25%.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Tiền gửi ngắn hạn và tiền gửi thanh toán	56.922.075.913.555	50.906.183.511.000	426.832.973.269	2.328.170.740.382
Thu nhập lãi từ tiền gửi	6.826.953.079	11.887.607.000	-	-
Hợp đồng môi giới chứng khoán	-	5.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
Chi phí lãi cho các hợp đồng môi giới chứng khoán	-	1.548.611.110	-	-
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198				
Chi phí thuê văn phòng	8.564.957.244	10.050.665.108	-	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	-	106.080.000.000
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	-	913.068.285
Phí liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	182.212.365	268.795.443	-	9.676.560

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

28. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm		Số dự phòng đã lập VND
	Tổng VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Quá hạn VND	
1. Phải thu khách hàng	1.699.147.758	-	6.817.784.245	(8.218.001.987)	298.930.016	-	-
2. Trả trước cho người bán	608.655.935	-	2.451.654.779	(2.759.052.366)	301.258.348	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.533.812.817	-	2.897.405.953.571	(2.844.486.065.122)	64.453.701.266	-	-
4. Các khoản phải thu khác	27.455.613.195	-	1.742.407.546.417	(1.723.352.538.546)	46.510.621.066	-	-
	41.297.229.705	-	4.649.082.939.012	(4.578.815.658.021)	111.564.510.696	-	-

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Bộ phận Kiểm tra và Giám sát tuân thủ có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Bộ phận Kiểm tra và Giám sát tuân thủ báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Bộ phận Kiểm tra và Giám sát tuân thủ của thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Giám đốc.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	436.138.319.870	2.653.284.780.296
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ (ii)	-	198.000.249.990
Các khoản cho vay ngắn hạn (iii)	22.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	298.930.016	1.699.147.758
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (iii)	64.453.701.266	11.533.812.817
Phải thu khác	46.510.621.066	27.455.613.195
Tài sản tài chính khác	-	244.884.071
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ (ii)	498.274.119.324	58.152.001.883
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19.444.625.555	16.854.313.730
Tài sản dài hạn khác	3.337.425.139	3.361.474.879
	<hr/>	<hr/>
	1.090.457.742.236	2.970.586.278.619

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào chứng khoán nợ

Công ty giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư vào trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty có độ tín nhiệm tốt. Ban Giám đốc không cho rằng các tổ chức phát hành này có thể mất khả năng trả nợ.

(iii) Các khoản cho vay ngắn hạn và phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa cần phải phê duyệt bởi Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi đánh giá tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	436.138.319.870	436.138.319.870
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000.000	-	22.000.000.000
Phải thu khách hàng	-	298.930.016	298.930.016
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	64.453.701.266	-	64.453.701.266
Phải thu khác	30.879.733.332	15.630.887.734	46.510.621.066
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ	409.150.000.000	89.124.119.324	498.274.119.324
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	19.444.625.555	19.444.625.555
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	3.337.425.139	3.337.425.139
	526.483.434.598	563.974.307.638	1.090.457.742.236

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		- 2.653.284.780.296	2.653.284.780.296
Đầu tư ngắn hạn vào các chứng khoán nợ		- 198.000.249.990	198.000.249.990
Phải thu khách hàng		- 1.699.147.758	1.699.147.758
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.533.812.817	-	11.533.812.817
Phải thu khác		- 27.455.613.195	27.455.613.195
Tài sản tài chính ngắn hạn khác		- 244.884.071	244.884.071
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ		- 58.152.001.883	58.152.001.883
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		- 16.854.313.730	16.854.313.730
Tài sản tài chính dài hạn khác		- 3.361.474.879	3.361.474.879
	11.533.812.817	2.959.052.465.802	2.970.586.278.619

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011, Công ty không có tài sản tài chính nào bị giảm giá.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	201.575.266	201.575.266	201.575.266
Người mua trả tiền trước	35.000.000	35.000.000	35.000.000
Phải trả người lao động	8.368.970.706	8.368.970.706	8.368.970.706
Chi phí phải trả	62.757.502	62.757.502	62.757.502
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.056.390.909	1.056.390.909	1.056.390.909
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	18.191.356.133	18.191.356.133	18.191.356.133
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	389.963.898.932	389.963.898.932	389.963.898.932
	417.879.949.448	417.879.949.448	417.879.949.448
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	117.559.963	117.559.963	117.559.963
Người mua trả tiền trước	315.000.000	315.000.000	315.000.000
Phải trả người lao động	12.459.054.775	12.459.054.775	12.459.054.775
Chi phí phải trả	56.856.436	56.856.436	56.856.436
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	905.070.045	905.070.045	905.070.045
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	12.998.501.533	12.998.501.533	12.998.501.533
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.322.062.593.807	2.322.062.593.807	2.322.062.593.807
	2.348.914.636.559	2.348.914.636.559	2.348.914.636.559

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(i) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011, rủi ro tiền tệ của Công ty là không đáng kể do Công ty không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính – lãi suất cố định</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền	436.138.319.870	2.653.284.780.296
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán thương mại (trái phiếu)	-	198.000.249.990
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000.000	-
Các khoản phải thu		
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	64.453.701.266	11.533.812.817
Chứng khoán đầu tư dài hạn		
Chứng khoán sẵn sàng để bán (trái phiếu)	498.204.896.036	58.077.778.595
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (trái phiếu)	69.223.288	74.223.288
	<hr/>	<hr/>
	1.020.866.140.460	2.920.970.844.986
	<hr/>	<hr/>
<i>Nợ phải trả tài chính – lãi suất cố định</i>		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	388.990.788.727	311.392.777.078
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán của Công ty là 191.295 triệu VND (31/12/2011: 59.300 triệu VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 18% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 31%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 24.910 triệu VND hoặc giảm 6.663 triệu VND tương ứng (31/12/2011: tăng 13.717 triệu VND hoặc giảm 13.673 triệu VND tương ứng).

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán dựa trên giá thị trường như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Chứng khoán thương mại	11.569.290.741	12.417.811.800	11.337.142.005	3.655.945.000
Chứng khoán đầu tư				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	218.119.384.400	179.278.438.000	89.691.194.000	55.644.536.000
	229.688.675.141	191.696.249.800	101.028.336.005	59.300.481.000

Ngoại trừ các chứng khoán nêu trên, Công ty không xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

30. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	3.408.315.714	15.657.597.668
Từ hai đến năm năm	-	8.601.379.246
	<hr/>	<hr/>
	3.408.315.714	24.258.976.914

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc